TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 5 năm 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên, ông Ngô Văn Thế.

- Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh T P Đ, sinh năm: ..

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

Bị đơn: Chị L T T sinh năm: 1...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh T P Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 20/02/2006, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B cấp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi chung sống với nhau anh chị sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do cả hai không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, thường xuyên cãi nhau. Anh chị ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh không còn tình cảm với chị T nữa, anh không muốn tiếp tục cuộc sống chung với

chị T. Hiện tại chị T không có thai, không sinh con và không nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

Về con chung: Anh Đ và chị T có 02 con chung, tên là T T H, sinh ngày .. và T M V, sinh ngày ... Sau khi ly hôn anh Đcó nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ và chị T tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị L T T trình bày: Việc chị và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời khai của anh Đ. Sau khi kết hôn thì anh chị có vài lần cãi nhau, anh chị đã không còn chung sống cùng nhau do anh Đ có người phụ nữ khác, tuy nhiên nếu anh Đ muốn ly hôn thì chị không nhất trí, chị cũng sẽ không ký vào bất kỳ giấy tờ nào của Tòa án cũng như không đến Tòa án để giải quyết ly hôn cùng anh Đ, chị tùy vào ý kiến của anh Đ.

Về con chung, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả cháu H và cháu V cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại đối với trưởng bản A và cán bộ Tư pháp xã B xác định: Thời gian chung sống cùng nhau anh Đ và chị T cũng thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn do anh Đ đi làm ăn xa và thỉnh thoảng mới về thăm gia đình. Hiện tại các con của anh chị đang ở cùng chị T, các cháu đã bỏ học.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu T T H và T M V: Nguyện vọng của các cháu muốn được ở cùng bố và mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57,

81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh T P Đ, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh T P Đ được ly hôn với chị L T T. Về con chung: giao cháu T M V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu T T H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T P Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa anh và chị L T T. Anh Đ và chị T đều cư trú tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vụ án được xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T P Đ và chị L T T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/2006, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh chị đã ly thân nhau từ năm 2018 cho đến nay, giữa anh chị không còn yêu thương nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, giải quyết cho anh T P Đ được ly hôn với chị L T T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh Đ và chị T có 02 con chung, tên là T T H, sinh ngày .. và T M V, sinh ngày ... Sau khi ly hôn anh Đ và chị T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Nguyện vọng của hai cháu là muốn được ở cùng bố và mẹ. Hiện tại anh chị đều có công việc là tự do, có khả năng nuôi dạy con cái. Xét về điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ Hội đồng xét xử xét thấy cần giao T M V cho anh Đ là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu T T H cho chị Thảo là người trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Anh Đ và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T P Đ được ly hôn với chị L T T.

Về con chung: Giao cháu T M V sinh ngày .. cho anh Đlà người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu T T H sinh ngày .. cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ và chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh, chị không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản: Anh Đ và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0000386 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ. Xác nhận anh Đ đã nôp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá